TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **42**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 17 - 4 - 2024 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1012/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Phan Anh L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(Có đơn xin vắng mặt)*.

- ***Bị đơn:*** Ông Võ Thái N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Số C Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Phan Anh L (nguyên đơn) và ông Võ Thái N (bị đơn) chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 08/4/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống với nhau giữa hai vợ bất đồng quan điểm sống, bị đơn không lo làm ăn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023

cho đến nay. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Lê Phương U, sinh ngày 30/3/2006 và Võ Lê Nhật Y, sinh ngày 21/02/2015, nguyện vọng của nguyên đơn muốn nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Bị đơn trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải như sau:**

Chúng tôi chung sống và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng, hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn, quá trình chung sống do công việc không ổn định nên bị đơn không làm ra đủ kinh tế nuôi gia đình, nhưng bản thân còn yêu thương vợ con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Lê Phương U, sinh ngày 30/3/2006 và Võ Lê Nhật Y, sinh ngày 21/02/2015, nếu phải ly hôn bị đơn đồng ý giao các con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng : Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

- Về con chung: Có 2 con chung tên Võ Lê Phương U, sinh ngày 30/3/2006 và Võ Lê Nhật Y, sinh ngày 21/02/2015, hiện nay Võ Lê Phương U đã trưởng thành theo quy định pháp luật nên không đề cập giải quyết.

Giao Võ Lê Nhật Y cho bà Lê Phan Anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Võ Thái N được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con

chung không ai được cản trở và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên tháng 6/2023 các bên đã ly thân cho đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống hòa hợp với nhau được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đôi khi phát sinh mâu thuẫn, do bị đơn không làm ra kinh tế, nhưng vẫn đang rất cố gắng và yêu thương vợ con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

HĐXX nhận thấy bị đơn cho rằng vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng không tự hoà giải cũng như thể hiện thiện chí đoàn tụ mà vẫn duy trì sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay; Nguyên đơn cũng không tạo điều kiện cho bị đơn hàn gắn tình cảm, tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Vì vậy xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp

nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có 2 con chung tên Võ Lê Phương U, sinh ngày 30/3/2006 và Võ Lê Nhật Y, sinh ngày 21/02/2015. Xét nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành được bị đơn đồng ý; Tuy nhiên đến thời điểm xét xử U đã 18 tuổi (trưởng thành) vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết mà cần giao cháu Y cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật, nguyện vọng của đương sự cũng như nguyện vọng của con chưa thành niên.

Bị đơn được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4.3] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Phan Anh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Lê Phan Anh L được ly hôn với bị đơn ông Võ Thái N.

2. Về con chung: Có 2 con chung tên Võ Lê Phương U, sinh ngày 30/3/2006 và Võ Lê Nhật Y, sinh ngày 21/02/2015, hiện nay Võ Lê Phương U đã trưởng thành theo quy định pháp luật nên không đề cập giải quyết.

Giao Võ Lê Nhật Y cho bà Lê Phan Anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Võ Thái N được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Phan Anh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí (do Văn Thị Mỹ H nộp thay) theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0004442 ngày 28/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND phường Tân An;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH